

Morning Call

27/05/2026

Vietcap 



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111G6000 giữ tín hiệu tăng nhờ đóng cửa trên đường MA20 và quanh vùng giá cao. Kháng cự ngắn hạn tại 2.036 điểm. (M15)
- Dự báo nhịp tăng giá sẽ giúp 4111G6000 kiểm định lại vùng 2.052 điểm nếu hợp đồng này vượt kháng cự 2.036 điểm. Khuyến nghị mở vị thế mua khi thỏa điều kiện trên và dừng lỗ khi xuất hiện nến đóng cửa dưới ngưỡng 2.030 điểm.

Chiến lược:

- Mua khi vượt (BS): 2.036 điểm
- Mục tiêu (TP): 2.052 điểm
- Dừng lỗ (SL): 2.030 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Tiêu cực	Tích cực
VN30	Tiêu cực	Tích cực
VNMid	Tiêu cực	Trung tính
VNSmall	Tiêu cực	Tiêu cực
HNX	Tích cực	Tích cực

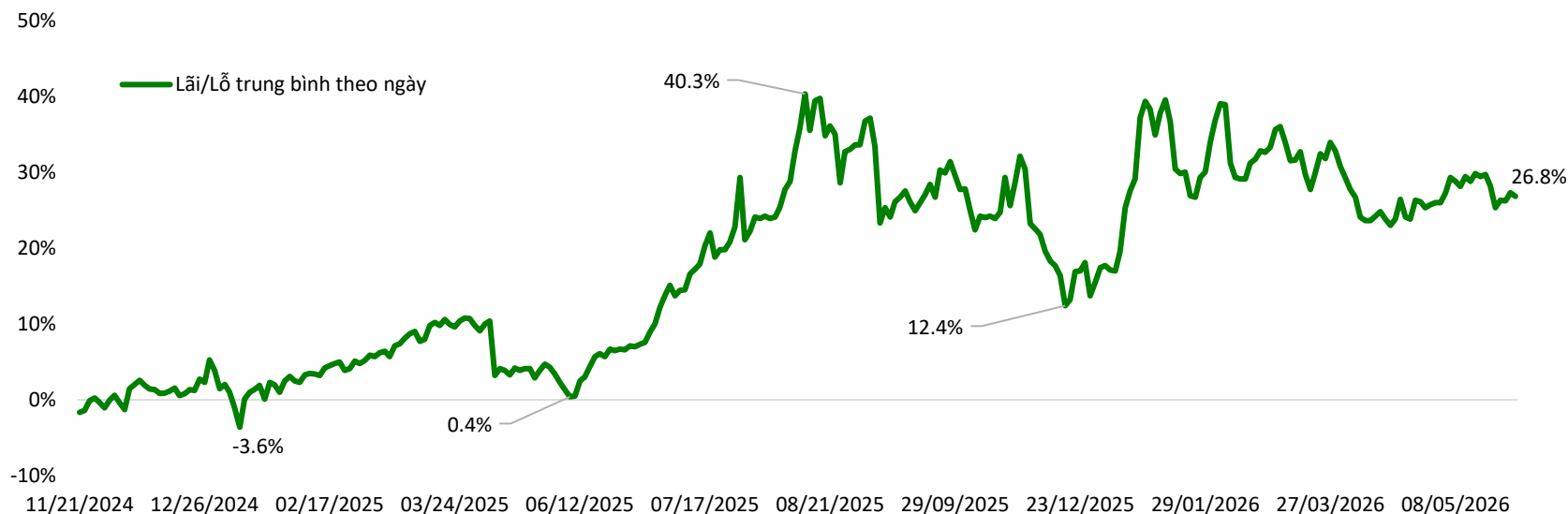


Nguồn: Vietcap

- Về hoạt động giao dịch, lực cầu cải thiện rõ so với phiên 25/05, lan tỏa mạnh hơn tại các nhóm Ngân hàng, Chứng khoán và Bất động sản. Hoạt động mua cũng xuất hiện ở một số nhóm ngành còn lại, dù mức độ bao phủ chưa cao. Ở chiều ngược lại, lực cung trong ngày tiếp tục thuyên giảm và được tiết chế ở mức thấp hơn phiên trước. Diễn biến này cho thấy tín hiệu dòng tiền đã cải thiện đáng kể.
- Về mặt kỹ thuật, VN-Index vẫn giằng co dưới vùng kháng cự 1.890–1.900 điểm, do đó giai đoạn điều chỉnh ngắn hạn chưa được xác nhận kết thúc. Tuy nhiên, sự cải thiện của dòng tiền đang làm gia tăng xác suất chỉ số vượt vùng kháng cự này và kiểm định lại vùng đỉnh gần 1.930 điểm trong thời gian tới.
- Xét về rủi ro, dù điểm số phiên 26/05 chịu tác động tiêu cực từ nhóm Vingroup, tín hiệu dòng tiền trên phần còn lại của thị trường đã cải thiện rõ hơn. Điều này làm gia tăng khả năng VN-Index hình thành đáy ngắn hạn quanh vùng 1.855 điểm. Môi trường hiện tại đã đủ điều kiện mở mới các vị thế ngắn hạn với tỷ trọng thăm dò, ưu tiên các nhóm có lực cầu cải thiện, đồng thời sử dụng vùng 1.855 điểm làm ngưỡng dừng lỗ hoặc giảm tỷ trọng.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
SAB	29/04/2026		Đang mở	47,200	47,500	-0.6%	46,000	53,600		
VPL	07/05/2026		Đang mở	95,700	88,000	8.8%	83,500	105,000	88,000	



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	213,000	-2.65%	-5.38%	1,641,385	-16.529	1,506	11.1	141.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VHM	153,800	-3.09%	-2.04%	631,720	-7.410	15,766	2.4	9.8	Trung tính	Tích cực	Trung tính	Tích cực
ACB	24,800	5.31%	8.77%	127,389	2.569	3,167	1.3	7.8	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
VCB	64,400	1.10%	0.00%	538,105	2.246	4,301	2.3	15.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MBB	25,500	2.82%	1.80%	205,402	2.203	3,442	1.4	7.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPB	27,600	2.22%	3.18%	218,976	1.849	3,314	1.3	8.3	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BID	43,600	1.40%	-1.47%	317,411	1.683	4,392	1.7	9.9	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
CTG	35,250	1.29%	-1.54%	273,785	1.345	4,906	1.5	7.2	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GVR	35,150	2.48%	-3.83%	140,600	1.324	1,572	2.4	22.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
TCB	32,900	1.08%	0.92%	233,137	0.952	3,677	1.3	9.0	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HVN	21,900	3.06%	2.34%	68,142	0.792	3,035	6.6	7.2	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GEE	107,800	-2.88%	-11.13%	69,046	-0.756	5,285	9.0	20.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
FPT	74,500	1.36%	0.00%	126,911	0.656	5,691	3.3	13.1	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
BSR	28,500	1.06%	-8.51%	142,708	0.577	2,612	2.1	10.9	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SSI	28,000	2.00%	0.72%	69,751	0.531	2,153	1.8	13.0	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
THD	91,900	9.93%	57.63%	35,381	3.497	271	8.0	338.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KSF	85,000	1.31%	2.78%	76,482	0.998	14,074	4.4	6.0	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MBS	20,400	3.55%	2.51%	20,419	0.722	1,851	2.4	11.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
SHS	18,400	3.95%	3.37%	16,550	0.652	1,463	1.3	12.6	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
NVB	11,900	2.59%	11.21%	22,903	0.590	43	1.7	274.9	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
KSV	162,000	-1.52%	1.89%	32,400	-0.490	13,090	5.4	12.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
IDC	44,000	2.09%	4.51%	16,698	0.347	4,899	2.5	9.0	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
PVS	38,500	1.32%	-3.75%	19,690	0.258	3,781	1.3	10.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
CEO	16,800	1.82%	-4.00%	9,533	0.173	354	1.5	47.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DHT	65,800	-2.52%	-6.00%	5,960	-0.149	457	5.5	143.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VGI	93,900	-0.53%	-7.49%	286,216	-0.268	3,657	6.5	25.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MSR	40,900	3.02%	2.51%	44,544	0.238	700	3.5	57.8	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VEA	35,400	2.31%	1.43%	47,336	0.193	5,743	1.7	6.2	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
FOX	81,800	-0.85%	-5.43%	60,339	-0.090	4,791	5.1	17.1	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MVN	61,600	-0.65%	4.41%	73,902	-0.084	1,955	5.0	31.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TSJ	33,900	-14.82%	-2.31%	3,210	-0.084	1,361	3.6	31.5	Tiêu cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
SJG	21,000	5.00%	0.00%	9,440	0.083	3,937	1.2	5.3	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCR	41,900	5.01%	17.37%	8,799	0.078	-496	6.0	-84.5	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
OIL	15,100	2.72%	-3.21%	15,505	0.075	892	1.4	16.8	Trung tính	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực
ACV	43,900	0.23%	-3.30%	157,314	0.063	2,980	2.2	14.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

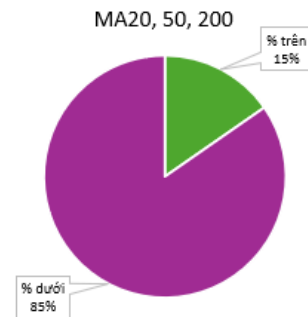
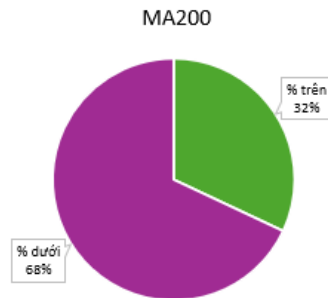
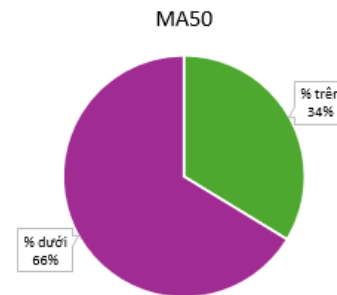
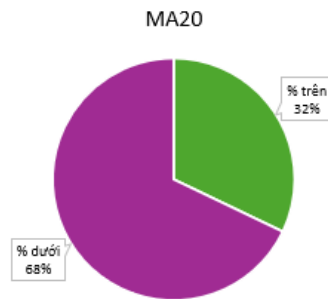
Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
LPB	54,100	0.2%	25.9	70.2	29,484	54,000	3.3	14.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TVN	11,700	0.9%	29.4	8.9	7,000	11,600	0.9	12.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PET	52,000	7.0%	165.0	48.3	22,561	51,300	2.3	18.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
CSV	25,550	-0.6%	6.1	10.4	25,700	38,900	1.8	14.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TV2	29,900	-1.6%	9.7	14.5	30,400	43,050	1.5	15.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CRC	7,700	-4.9%	9.5	20.2	8,100	12,650	0.7	10.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VAB	10,850	6.9%	40.3	5.0	7,606	14,200	0.8	6.2	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
LIG	3,900	8.3%	9.9	1.0	2,900	5,400	0.4	17.4	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PDR	16,950	6.9%	639.0	175.0	14,500	26,300	1.4	27.9	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			26/05/2026	25/05/2026	22/05/2026	21/05/2026	20/05/2026	19/05/2026	18/05/2026	15/05/2026
VNINDEX	MA200	Trên	26%	25%	26%	26%	26%	28%	29%	29%
		Dưới	74%	75%	74%	74%	74%	72%	71%	71%
	MA50	Trên	37%	33%	32%	34%	32%	38%	43%	40%
		Dưới	63%	67%	68%	66%	68%	62%	57%	60%
	MA20	Trên	31%	26%	29%	28%	27%	32%	39%	36%
		Dưới	69%	74%	71%	72%	73%	68%	61%	64%
VN30	MA200	Trên	47%	43%	47%	47%	47%	50%	50%	50%
		Dưới	53%	57%	53%	53%	53%	50%	50%	50%
	MA50	Trên	70%	60%	50%	60%	57%	57%	63%	60%
		Dưới	30%	40%	50%	40%	43%	43%	37%	40%
	MA20	Trên	40%	30%	33%	37%	43%	47%	60%	57%
		Dưới	60%	70%	67%	63%	57%	53%	40%	43%
HNX	MA200	Trên	33%	33%	33%	32%	32%	32%	33%	33%
		Dưới	67%	67%	67%	68%	68%	68%	67%	67%
	MA50	Trên	37%	35%	36%	35%	36%	37%	38%	37%
		Dưới	63%	65%	64%	65%	64%	63%	62%	63%
	MA20	Trên	33%	33%	33%	32%	32%	32%	33%	33%
		Dưới	67%	67%	67%	68%	68%	68%	67%	67%
UPCOM	MA200	Trên	32%	31%	33%	30%	29%	31%	32%	31%
		Dưới	68%	69%	67%	70%	71%	69%	68%	69%
	MA50	Trên	32%	31%	31%	31%	30%	31%	32%	33%
		Dưới	68%	69%	69%	69%	70%	69%	68%	67%
	MA20	Trên	35%	35%	34%	35%	34%	35%	35%	36%
		Dưới	65%	65%	66%	65%	66%	65%	65%	64%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 15		Tháng 5															Tháng 4				
		26	25	22	21	20	19	18	15	14	13	12	11	08	07	06	05	04	29	28	24
1	Ngân hàng	52	48	48	49	50	53	54	55	54	54	55	57	58	57	54	53	53	54	54	59
2	Tài nguyên Cơ bản	52	51	48	45	47	50	50	52	57	56	56	56	62	61	55	53	54	54	56	58
3	Dịch vụ tài chính	51	49	42	39	42	47	46	44	44	43	44	44	47	52	43	38	35	38	36	42
4	Du lịch và Giải trí	48	43	45	45	43	37	42	47	50	51	50	51	59	59	57	54	55	52	47	50
5	Thực phẩm và đồ uống...	45	47	46	45	47	47	48	48	49	49	52	52	55	55	53	49	52	53	55	58
6	Hàng & Dịch vụ Cón...	43	43	48	51	53	55	53	52	54	52	52	52	53	53	51	48	46	45	47	51
7	Điện, nước & xăng d...	42	37	38	37	40	40	40	40	38	36	35	36	38	40	37	35	32	29	32	34
8	Dầu khí	42	46	53	57	56	62	62	56	57	50	41	37	40	46	50	43	27	29	33	36
9	Hóa chất	41	42	44	46	47	53	53	50	51	50	49	48	52	55	52	51	44	43	42	46
10	Bất động sản	39	38	38	43	48	53	55	55	53	54	54	56	63	65	63	63	64	62	60	64
11	Xây dựng và Vật liệu	39	28	30	29	31	32	33	37	42	43	44	45	50	53	54	53	56	56	57	62
12	Bán lẻ	33	32	32	30	28	27	31	37	38	37	39	43	51	46	44	42	40	47	48	55
13	Ô tô và phụ tùng	28	28	29	31	33	31	31	31	31	32	33	39	45	48	45	46	39	44	49	52
14	Công nghệ Thông tin	26	28	29	28	26	22	20	17	16	12	12	13	17	17	19	17	20	19	16	26
15	Hàng cá nhân & Gia ...	24	24	25	24	24	25	25	26	28	28	29	34	40	38	33	34	36	41	41	47

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VCB	64,400	1.1%	0.0%	538,105	2.3	15.0	4,301	359.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPL	95,700	0.0%	4.6%	171,619	4.5	68.1	1,405	74.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
LPB	54,100	0.2%	4.8%	161,612	3.3	14.5	3,738	25.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ACB	24,800	5.3%	8.8%	127,389	1.3	7.8	3,167	1,437.6	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
VEA	35,400	2.3%	1.4%	47,336	1.7	6.2	5,743	32.3	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Tích cực
MSB	14,650	1.4%	1.4%	45,708	1.0	7.8	1,884	237.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ABB	15,500	0.0%	2.0%	21,556	1.2	4.8	3,202	12.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
EVF	13,900	1.1%	0.7%	10,572	1.0	11.5	1,210	35.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TVN	11,700	0.9%	24.5%	7,804	0.9	12.7	907	29.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PAN	33,500	-0.1%	2.4%	6,998	1.2	6.1	5,506	54.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
PET	52,000	7.0%	11.8%	5,550	2.3	18.9	2,758	165.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NAF	52,300	0.4%	1.6%	3,200	3.8	17.2	3,033	29.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HHP	14,900	0.7%	0.0%	1,290	1.3	26.3	567	28.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
C69	17,800	-0.6%	11.9%	1,100	1.5	21.5	828	17.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NAB	12,350	0.8%	0.4%	25,426	1.0	5.6	2,194	17.7	Tích cực	7.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
F88	156,000	0.1%	6.1%	17,363	7.1	24.1	6,543	8.6	Tích cực	7.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
CTR	90,500	-1.6%	-3.1%	10,352	4.7	16.5	5,489	37.5	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PHR	68,100	2.7%	4.1%	9,227	2.1	13.9	4,885	23.8	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DHC	36,200	2.4%	3.1%	3,497	1.5	7.7	4,707	7.9	Tích cực	7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCX	43,350	-0.1%	2.4%	120,249	2.6	19.7	2,202	52.6	Tích cực	6.5	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
FRT	130,200	0.1%	-1.9%	22,173	5.0	24.3	5,368	27.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	24,900	-0.4%	-2.4%	4,482	1.4	19.0	1,309	10.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KHG	5,050	0.0%	-1.9%	2,270	0.4	34.0	149	17.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TV2	29,900	-1.6%	-7.9%	2,019	1.5	15.2	1,971	9.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TTA	10,300	0.0%	-1.9%	1,839	0.8	7.4	1,392	5.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CRC	7,700	-4.9%	-6.2%	822	0.7	10.0	772	9.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VNM	59,100	0.0%	-1.2%	123,516	3.8	12.0	4,914	111.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MWG	78,500	-0.3%	0.4%	115,271	3.3	14.1	5,552	198.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PNJ	65,200	1.4%	0.3%	33,364	2.3	9.2	7,093	49.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KBC	31,300	-0.2%	-1.1%	29,477	1.2	18.3	1,714	48.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HAG	15,400	-0.3%	-1.0%	19,518	1.3	6.2	2,495	27.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	47,900	-1.2%	-4.0%	18,191	1.2	6.9	6,911	46.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HUT	15,500	-0.6%	-1.9%	16,558	1.5	31.6	491	21.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCG	20,750	-0.7%	-1.7%	13,414	1.2	3.2	6,432	55.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SIP	51,800	-0.2%	-1.0%	12,541	2.3	9.6	5,392	8.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HAH	54,100	-0.6%	-2.5%	10,189	2.0	7.2	7,487	33.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDG	23,500	0.6%	-3.7%	8,694	1.3	13.1	1,798	25.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTD	74,100	-0.1%	1.4%	8,286	0.9	9.8	7,565	33.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KOS	38,000	-0.7%	-1.8%	8,226	3.5	433.1	88	11.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ANV	22,200	0.5%	-1.6%	5,911	1.6	5.6	3,992	6.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
STK	12,650	0.00%	-2.32%	25,500	101.6%	(143)	1.0	-88.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	47,900	-1.24%	-4.01%	91,200	90.4%	6,911	1.2	6.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	23,300	1.75%	0.43%	42,600	82.8%	1,077	1.4	21.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	26,600	1.72%	1.72%	45,800	72.2%	1,599	1.0	16.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	24,900	-0.40%	-2.35%	42,400	70.3%	1,309	1.4	19.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TV2	29,900	-1.64%	-7.86%	49,000	63.9%	1,971	1.5	15.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	24,250	0.62%	1.62%	38,900	60.4%	2,499	1.5	9.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BMI	14,600	0.00%	0.69%	23,100	58.2%	1,676	0.7	8.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
FPT	74,500	1.36%	0.00%	116,600	56.5%	5,691	3.3	13.1	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
PVS	38,500	1.32%	-3.75%	60,000	55.8%	3,781	1.3	10.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
VGC	43,300	0.35%	-1.81%	66,800	54.3%	2,896	2.2	15.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDG	23,500	0.64%	-3.69%	36,200	54.0%	1,798	1.3	13.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLC	21,600	-0.92%	-6.49%	31,900	47.7%	(99)	1.4	-219.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
SSI	28,000	2.00%	0.72%	40,800	45.7%	2,153	1.8	13.0	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTG	35,250	1.29%	-1.54%	50,000	41.8%	4,906	1.5	7.2	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBB	25,500	2.82%	1.80%	36,000	41.2%	3,442	1.4	7.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVT	22,300	1.36%	-5.31%	30,800	38.1%	2,433	1.2	9.2	Trung tính	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực
MCH	131,800	0.61%	0.61%	181,700	37.9%	5,341	9.9	24.7	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
VPB	27,600	2.22%	3.18%	38,000	37.7%	3,314	1.3	8.3	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FRT	130,200	0.08%	-1.88%	178,800	37.3%	5,368	5.0	24.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

Managing Director

Brokerage

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn